

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

9. Số báo danh 10. Mã đề thi

Giám thị 1:

Họ và tên:.....

Chữ ký:.....

Giám thị 2:

Họ và tên:.....

Chữ ký:.....

1. Tỉnh/TP:.....

2. Hội đồng coi thi :.....

3. Phòng thi:.....

4. Họ và tên thí sinh:.....

.....

5. Ngày sinh:...../...../.....

6. Chữ ký của thí sinh:.....

7. Bài thi:.....

8. Ngày thi:...../...../.....

0	0	0	0	0	0
1	1	1	1	1	1
2	2	2	2	2	2
3	3	3	3	3	3
4	4	4	4	4	4
5	5	5	5	5	5
6	6	6	6	6	6
7	7	7	7	7	7
8	8	8	8	8	8
9	9	9	9	9	9

0	0	0
1	1	1
2	2	2
3	3	3
4	4	4
5	5	5
6	6	6
7	7	7
8	8	8
9	9	9

Thí sinh lưu ý: - Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, làm rách

- Phải ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn

- Dùng bút chì mềm 2B trở lên hoặc bút bi, bút dạ đen, xanh, tím. Tô đủ các mục **số báo danh, mã đề** trước khi làm.

Phản trả lời: Số thứ tự câu trả lời dưới đây tương ứng với số thứ tự câu trắc nghiệm trong đề thi. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và **tô kín một ô tròn** tương ứng với phương án trả lời đúng

01	☐ A	☐ B	☒	☐ D	15	☒	☐ B	☐ C	☐ D	29	☒	☐ B	☐ C	☐ D	☒
02	☐ A	☐ B	☐ C	☒	16	☐ A	☐ B	☐ C	☒	30	☐ A	☒	☐ C	☐ D	☒
03	☒	☐ B	☐ C	☐ D	17	☐ A	☐ B	☐ C	☒	31	☐ A	☒	☐ C	☐ D	☒
04	☐ A	☐ B	☒	☐ D	18	☒	☐ B	☐ C	☐ D	32	☐ A	☐ B	☒	☐ D	☒
05	☐ A	☐ B	☒	☐ D	19	☐ A	☐ B	☒	☐ D	33	☐ A	☐ B	☐ C	☒	☒
06	☐ A	☒	☐ C	☐ D	20	☐ A	☒	☐ C	☐ D	34	☐ A	☒	☐ C	☐ D	☒
07	☐ A	☐ B	☒	☐ D	21	☐ A	☒	☐ C	☐ D	35	☐ A	☐ B	☒	☐ D	☒
08	☐ A	☐ B	☐ C	☒	22	☐ A	☐ B	☐ C	☒	36	☐ A	☐ B	☒	☐ D	☒
09	☐ A	☐ B	☐ C	☒	23	☐ A	☐ B	☐ C	☒	37	☐ A	☐ B	☒	☐ D	☒
10	☐ A	☒	☐ C	☐ D	24	☐ A	☐ B	☒	☐ D	38	☐ A	☐ B	☐ C	☒	☒
11	☐ A	☒	☐ C	☐ D	25	☒	☐ B	☐ C	☐ D	39	☐ A	☐ B	☒	☐ D	☒
12	☐ A	☒	☐ C	☐ D	26	☐ A	☐ B	☐ C	☒	40	☒	☐ B	☐ C	☐ D	☒
13	☐ A	☒	☐ C	☐ D	27	☐ A	☐ B	☒	☐ D						☒
14	☒	☐ B	☐ C	☐ D	28	☐ A	☒	☐ C	☐ D						☒